TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **01**/2021/QĐST-HNGĐ	*Thống Nhất, ngày 11 tháng 11 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, khoản 1 Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 13/2021/TLST-HNGĐ ngày 15/10/2021, về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Phạm Toàn A, sinh năm 1958;
2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: Số 1, tổ 3, khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] ***Về quan hệ hôn nhân***: Ông Phạm Toàn A và bà Trần Thị H chung sống có đăng ký kết hôn vào ngày 25/4/2007 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống đã ông A và bà H để xảy ra mâu thuẫn không thể khắc phục do bất đồng quan điểm sống, không còn tình cảm nên đã sống ly thân nhiều năm qua. Nhận thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn của ông A và bà H là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[2] ***Về con chung***: Ông Phạm Toàn A và bà Trần Thị H có 01 (một) con chung là cháu Phạm Toàn T, sinh ngày 10/4/2008. Khi ly hôn, ông A và bà H thống nhất thỏa thuận ông A là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là phù hợp với nguyện vọng của con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông A không yêu cầu vì ông và bà H sẽ tự thỏa thuận việc nuôi dưỡng con chung, do vậy Tòa án tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà H. Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì quyền lợi của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Việc thỏa thuận nuôi con chung của ông A và bà H là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên công nhận.

[3] ***Về tài sản chung, nợ chung***: Ông A và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[4] ***Về lệ phí***: Ông A và bà H tự nguyện chịu mỗi người 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông A và bà H đã nộp theo Biên lai thu số 0003267 ngày 14/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Ông A và bà H đã nộp đủ tiền lệ phí.

Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ghi trong Biên bản ghi nhận hòa giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 03/11/2021 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Toàn A và bà Trần Thị H.

- *Về con chung:* Giao cháu Phạm Toàn T, sinh ngày 10/4/2008 cho ông Phạm Toàn A trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà H do ông A không yêu cầu.

Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì quyền lợi của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- *Về tài sản chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông A và bà H mỗi người phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lệ phí việc hôn nhân gia đình được tính trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà ông A và bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003267 ngày 14 tháng 10 năm 2021của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất. Ông A và bà H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- Chi cục THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã Phú Bình, H.Tân Phú, T. Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ việc dân sự; VP.

THẨM PHÁN

Đào Thị Kiều Vân